

NHỮNG CON CHỮ DỊU DÀNG CỦA VICTOR HUGO

LES MISÉRABLES (2)

(Đọc lại đoạn viết về Jean Valjean, tôi mới hiểu TỪ ĐÂU MÀ CÓ trong mình nỗi ám ảnh dai dẳng theo hình ảnh một cái quán khuya nơi ven đường quốc lộ. Khi còn bé đọc Les Misérables, tôi chỉ cảm thương thân phận Jean Valjean mà nào ngờ chính là mình đã vô tình thương cho những bước lữ hành đơn độc về sau của đời mình.

Trong Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau, nỗi ám ảnh sâu dày được diễn tả:

(...) “Trên con phố chính tại thị xã Cam Ranh nhỏ bé, nhìn phong cảnh tập nập đầy nét giang hồ thi vị của những chiếc xe đồ đạc thành hàng dài ngủ lại chờ ngày mai lên đường sớm, tôi thật hân hoan như vừa tìm thấy được điều gì vô cùng thân thiết. Trước khi gặp anh, cuộc đời tôi được kết nên bằng một chuỗi dài những chuyến đi không mỏi. Có những thành phố tôi đến chỉ một đêm và ngay sáng hôm sau đã già từ không luyến tiếc. Có những nơi chốn tôi dừng chân chỉ đúng một lần, không bao giờ quay lại...

Đêm nay, ý niệm về một “cuộc sống khởi hành liên tục” đảo điên trong óc. Tôi cứ liếc trộm người đàn ông cao lớn bên cạnh mà nghe trái tim vang dội niềm rung cảm. Chuyến đi này vô cùng khác biệt với mọi chuyến giang hồ xa cũ. Bây giờ, trên bước đường dong ruổi, tôi có anh là bạn, con người đang chiếm giữ của tôi ngút ngàn kỷ niệm làm sao!” (Trích Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau).

Rồi cả trong Nước Chảy Qua Cầu, nỗi ám ảnh về một quán khuya cũng được thể hiện qua một bài viết:

***Thứ Sáu ngày 11/11/1977,
hát Hoài Nhon, Bình Định.***

Bên cạnh sân banh nơi đoàn dựng rạp, nằm trên Quốc lộ 1, là cái quán com mở cửa hàng ngày từ 12 giờ trưa cho đến 7 giờ sáng hôm sau. Những khuya tan hát, chiếc quán bên đường chính là chỗ vui chơi duy nhất trong trọn huyện lỵ cho những con người mang cái nghiệp cầm ca. Tại đây, đủ các khuôn mặt được nhìn thấy. Các xì rượu, các đĩa mồi, những món thức ăn được gọi to và mang ra theo từng bàn, từng nhóm. Trên trần nhà treo duy nhất

một ngọn đèn măng-xông; luồng ánh sáng tỏa rộng khắp nơi, lan ra tận bên ngoài con lộ vắng.

Quán đêm chỉ thực sự sống động khi tiếng nổ máy dòn tan của các chiếc xe hàng từ xa vọng lại. Bước chân người bồi bàn trở nên dồn dập nhăm lẹ. Ngọn lửa xanh trên lò nấu thức ăn cũng được khêu cao hơn.

Một chiếc, hai chiếc, ba chiếc... rồi cả một đoàn xe ngừng lại, đậu khắp nơi bên ngoài quán. Các người lơ nhanh nhẹn nhảy xuống, giơ tay cất tiếng chào nhau. Đây là trạm nghỉ của các tài xế xe hàng trước khi tiếp tục lộ trình Miền Trung thẳng ra ngoài Huế. Họ dừng lại đây, ăn uống nhậu nhẹt rồi giăng ghé bó cạnh bên các chiếc xe mà ngủ qua đêm.

Có nhìn thấy sự bình sống của chiếc quán bên đường vào lúc nửa đêm trong một huyện lỵ buồn tênh heo hút mới cảm hết được nổi thi vị của cuộc sống đó đây phiêu bạt. Trên quốc lộ dài tối đen, người lữ khách chợt nghe lòng ấm lại khi nhìn từ xa ánh đèn của một chiếc quán khuya. Một chón dừng chân chốc lát để rũ bỏ những bụi đường đã trải. Một chỗ nghỉ ngơi tạm thời trước khi dần bước trở lại trên con đường hun hút xa xôi...

Năm hôm ở Hoài Nhơn, tôi và các người bạn trong tổ Tân Nhạc đều trải qua quãng thời gian nửa đêm về sáng trong chiếc quán ven đường quốc lộ. Trời càng về khuya, không khí quán cơm càng trở nên trữ tình lãng mạn. Các người tài xế xe hàng bước ra ngoài sửa soạn mừng mền, ghé bó. Còn các người trong đoàn hát thì có kẻ đã say gục trên bàn.

Không khí bi tráng đượm màu thi vị của những chiếc quán đêm trong truyện dã sử thời thực dân cai trị như mang mang ẩn hiện nơi chiếc quán ven đường quốc lộ. “Các tráng sĩ tìm gặp nhau giây lát rồi lại rẽ bước mỗi người mỗi ngả trong mưu đồ khởi nghĩa đuổi Tây...”

Thực tràn trong mộng, mộng lẫn với thực làm cho tôi càng thêm yêu mến cuộc đời giang hồ đây đó. Và chiếc quán bên đường của năm đêm hát Hoài Nhơn đã để lại trong tôi biết bao ấn tượng khó quên.

Trong suốt các mùa nghỉ hè VN với Âu Cơ trong thập niên 2000, tôi rất thường ưa thích làm hành động này:

-Đề Âu Cơ và lũ bạn nhỏ của nó lại khách sạn Dalat, tôi một mình đáp chuyến xe đò Thành Bưởi khởi hành về Sài Gòn lúc 11 giờ khuya.

-Xe đến Bảo Lộc khoảng 2 giờ sáng, ngừng nửa tiếng ở một quán rộng.

-Tiếng huyền não dầy dầy trong quán, nhưng nơi cái bàn quen thuộc vẫn ngồi, biệt lập phía ngoài, sát đường quốc lộ vắng tanh thì chỉ là “thế giới riêng tôi”. Cốc café trước mặt, điều thuộc nơi tay, mắt ngược lên hít cho đầy vào phổi cái mùi quê hương thời gian nửa đêm về sáng... chính là điều tôi đi tìm và tìm thấy được duy nhất trong mọi chuyến nghỉ hè VN với Âu Cơ.

(Cần nhắc: Chỉ là nghỉ hè VN mới có cái quán đê ghi đầy ấn tượng xúc động cho tôi, chứ không là nghỉ hè tại bất kỳ nơi chốn nào khác trên trái đất, cho dù với Âu Cơ).

(Trở lại Les Misérables, tiếp tục đoạn kể về nhân vật Jean Valjean).

[]

Khuyên Người Hiền Phải Đề Phòng.

Tối hôm ấy, ông Giám mục thành Digne đi dạo phố về, lại còn ngồi làm việc trong phòng mãi. Ông lo soạn một bộ sách về “Những Bồn Phận”. Công việc còn đang dở dang. (...)

Tám giờ ông vẫn còn ngồi lom khom viết vào những mảnh giấy vuông nhỏ, trên đui đặt một cuốn sách to. Như thường lệ, mẹ Magloire bước vào lấy bộ đồ bạc trong ô tú gần đầu giường. Một lúc sau, đoán chừng bữa ăn đã dọn xong và cô em có lẽ đang đợi, ông gấp sách đứng lên bước sang phòng ăn.

Phòng ăn là một vãn buồng hình bầu dục có lò sưởi, cửa chính quay ra đường (như trên đã tả) và cửa sổ trông ra vườn.

Bữa ăn vừa dọn xong, bà Magloire vừa bày bàn ăn vừa trò chuyện với cô Baptistine.

Cây đèn để trên bàn, bàn lại kê bên lò sưởi. Trong lò, củi cháy rực rỡ.

Người ta có thể dễ dàng hình dung được hai người phụ nữ, bà nào cũng ngoài sáu mươi.

Bà Magloire thì thấp người, đầy đà, lạnh lẽ; cô Baptistine thì dịu dàng, đáng gầy và cao lêu khêu, so với ông anh có cao hơn một chút; cái áo lụa bà mặc màu nâu thẫm, bà giữ mãi cho đến bây giờ là sắm ở Paris từ hồi 1806, lúc đó màu đó rất được mọi người ham chuộng.

Nếu mượn cách nói thông tục nó có cái hay là một chữ có thể diễn đạt được một ý mà có khi cả một trang văn chương cũng chưa chắc đã nói đầy đủ bằng, thì bà Magloire có vẻ là một bàn nhà quê, còn cô Baptistine thì ra dáng một phu nhân.

Bà Magloire thì trên đầu đội cái mũ vải trắng chung quanh cuộn tròn thành ống, cổ đeo một cây thánh giá nhỏ bằng vàng, thứ nữ trang duy nhất trong nhà.

Cái khăn quàng của bà Magloire thật trắng, lòi ra ngoài cái áo dài đen, tay ngắn và rộng, bằng laine thô. Cái tạp dề bằng vải kẻ ô xanh đỏ, buộc ngang hông bằng các dải màu lục. Trước bụng thêm miếng vải gấp ngược lên thành túi cài hai kim băng ở góc trên. Chân đi giày rộng với bít tất vàng như phụ nữ Marseille.

Chiếc áo dài của cô Baptistine cắt theo mẫu 1806 cỡ ngắn, thân hẹp, cánh tay bông, có giải buộc và đính cúc. Mớ tóc lốm đốm bạc, bà thu vào trong một bộ tóc giả uốn theo kiểu thiếu niên.

Bà Magloire có vẻ thông minh, lạnh lợi, tốt bụng; hai khóe miệng không cân nhau, môi trên dày hơn môi dưới, Ông giám mục mà còn làm thính thì bà nói năng mạnh dạn với thái độ vừa

kính nể, vừa tự do. Nhưng hễ đức cha lên tiếng thì, điều này mọi người đã biết, bà phục tùng ngoan ngoãn cũng như cô Baptistine vậy

Cô này thì lại không nói năng gì. Cô chỉ vâng lời và làm theo cho ông anh vui lòng. Ngay hồi còn trẻ, người cô cũng không xinh, đôi mắt to xanh, hơi lồi, sống mũi dài và gù; có điều khuôn mặt cũng như cả con người, như chúng tôi đã nói ở đầu sách, đều toát lên một vẻ hiền từ vô hạn.

Cô vốn sinh ra để làm con người hiền đức; nhưng đức tin, tình bác ái, lòng hy vọng, ba đức ấy lại nhẹ nhàng sưởi ấm tâm hồn làm cho trái tim hiền đức kia lại dần dần nâng lên thành trái tim thánh đức. Tạo vật chỉ đức cô làm một con cừu, tôn giáo đã biến cô thành một thiên thần. Tôi nghiệp người con gái thánh đức! Một hình ảnh êm dịu đã mất!

Không biết bao nhiêu lần cô Baptistine đã kể lại việc xảy ra trong dinh giám mục buổi tối hôm ấy cho nên nhiều người hiện nay còn sống hãy còn nhớ rõ các chi tiết.

Khi ông giám mục bước vào, bà Magloire đang chuyện trò có vẻ hăng lắm. Bà ta bàn với cô Baptistine câu chuyện bà đã thuộc lòng và ông giám mục nghe cũng đã quen tai, câu chuyện cài then chỗ cửa ra vào.

Nghe đâu lúc chiều đi mua thức ăn, bà đã nghe thấy chỗ nào cũng xì xào nhiều chuyện lắm. Nào chuyện có một tên trộm vặt hình dáng kỳ dị, một tên du đãng khả nghi vừa xuất hiện, đang còn lẩn lút trong các phố đêm, nay ai mà về khuya chắc sẽ gặp những chuyện chẳng lành. Nào chuyện tuần phòng bị bỏ bê, lơ là vì ông tỉnh trưởng và ông thị trưởng không ưa nhau, có tìm cách xảy ra chuyện nợ chuyện kia để hại nhau. Ai khôn hồn thì tự liệu mà giữ lấy thân, giữ lấy cửa, nhà cửa phải liệu mà rào trước sau, đóng then cài chốt cho thật kỹ.

Bà có ý nhấn mạnh mấy tiếng sau cùng. Song ông giám mục vừa ở phòng bên sang, đang rét, nên đến thẳng chỗ lò sưởi, ngồi nghĩ vơ đến chuyện khác. Ông không có hưởng ứng gì về câu nói bóng gió của bà, khiến bà ta phải lặp lại. Cô Baptistine muốn chiều ý bà mà không muốn làm phiền ông anh, nên đánh bạo hỏi khẽ:

“Thưa anh, anh có nghe bà Magloire nói gì không?”

Ông giám mục đáp:

“Có, tôi có nghe loáng thoáng.”

Ông quay ghé lại, để hai tay lên đầu gối, ngẩng nhìn bà hầu già. Ánh lửa từ dưới lò chiếu lên khuôn mặt dịu dàng và vui vẻ:

“Nào, có chuyện gì thế? Đang có chuyện gì nguy hiểm lắm phải không?”

Bà Magloire lại kể lại đầu đuôi câu chuyện, và vô tình thêm thắt ít nhiều.

Nào là có một tên cù bơ cù bắt, một thằng khổ dây, một tên ăn xin nguy hiểm. Nào là nó đến xin trọ ở nhà hàng Jacquin Labarre nhưng người ta không chứa. Nào lúc nhá nhem tối, người ta còn thấy nó ở đại lộ Gassendi đang rình mò trong các góc phố. Một tên đầu trộm đuôi cướp mặt mày dễ sợ lắm.

Ông giám mục nói:

“Thật ư?”

Thấy ông giám mục đã chịu khó hỏi han, bà Magloire phấn khởi, đoán chừng câu chuyện đã làm ông hơi lo, nên đắc thắng nói tiếp:

“Vâng, thưa Đức cha, đúng thế. Đêm nay thế nào trong tỉnh cũng có chuyện chẳng lành. Ai cũng bảo thế cả. Đã vậy, việc tuần phòng lại lơ là thế nào ấy (câu nhắc cần thiết)! Ai lại ở xứ rừng núi thế này mà đêm hôm phớt xá chẳng có đèn đóm gì cả. Bước ra khỏi nhà thì cứ như là chui vào hũ nút. Thưa đức cha, có cô Baptistine đấy, cô cũng đồng ý với con là...”

Cô Baptistine vội ngắt lời:

“Không, tôi có nói gì đâu Anh tôi làm thế nào cũng đúng cả”

Bà Magloire làm như không có lời chối cãi ấy, cứ tiếp:

“Chúng tôi bàn với nhau là cái nhà này cửa ngõ không chắc chắn gì cả. Đức Cha cho phép thì con đi đến lão thợ khóa Paulin Musebois bảo lão đến tra ngay bộ then cũ vào cửa; hãy còn đủ cả đấy, chỉ một lát là xong. Thưa Đức Cha, thế nào cũng phải có then, dù chỉ là đêm nay thôi. Chứ cửa gì mà lại ở bên ngoài kéo cái cửa gà là mở ra ngay, ai muốn vào lúc nào cũng được. Đến là khiếp! Đã thế Đức Cha lại quen tính hễ nghe gõ là bảo cứ vào, nửa đêm gà gáy cũng chẳng cần xin phép xin tắt gì cả, thực chẳng còn trời đất nào nữa.

Giữa lúc ấy có một tiếng đập cửa khá mạnh. Ông giám mục bảo:

“Cứ vào!”

[]

Dũng Cảm Nhắm Mắt Vâng Lời.

Cửa mở ra.

Cửa mở toang thật mạnh như có người đẩy thốc vào một cách quả quyết.

Một người bước vào.

Người ấy, chúng ta đã biết. Chính là người khách bộ hành lang thang tìm chỗ trọ ban này.

Hắn bước vào một bước rồi dừng lại, cứ vẫn để cửa mở toang phía sau. Hắn đeo ba lô trên vai, tay cầm gậy, mặt đầy vẻ thô lỗ, táo tợn, phũ phàng và mệt nhọc. Ánh lửa trong lò sưởi rọi vào hắn. Trông hắn thật gớm ghiếc. Hệt như ma quỷ hiện hình.

Bà Magloire giật nảy người, sợ hết cả vía, bủn rủn thân hình, đứng há hốc miệng không kêu nổi một tiếng.

Cô Baptistine quay ra thấy kẻ lạ bước vào thì hoảng hốt nhòm người lên, nhưng dần dần ngoảnh mặt về phía lò sưởi, nhìn ông anh, khuôn mặt cô trở lại bình tĩnh và trong sáng.

Giám Mục lặng yên nhìn khách. Ông vừa định cất tiếng hỏi khách muốn gì thì người lạ chống cả hai tay lên đầu gậy, đưa mắt nhìn hết ông già đến hai người phụ nữ, và không chờ hỏi, anh ta nói lớn:

“Thế này này, tên tôi là Jean Valjean, tù khổ sai. Tôi đã ở mười chín năm trong nhà lao. Tôi được thả bốn hôm nay và bây giờ tôi đang đi đến Ponparlier.

Bốn ngày tôi đi bộ từ Toulon về đây. Bữa nay đi những mười hai dặm.
 Lúc chập tối, tôi vào một hàng com, người ta đuổi tôi ra vì tấm giấy thông hành màu vàng
 tôi đưa trình ở tòa thị chính. Không trình sao được!

Tôi lại đến một quán khác, chỗ này họ cũng bảo ‘cút đi’,

Chẳng ai muốn chứa tôi cả.

Tôi đến đằng chỗ nhà giam, người gác không chịu mở cửa.

Tôi chui vào một cái ổ chó, chó cũng đuổi tôi y như con người, ý chừng nó đã biết tôi là người thế nào.

Tôi bỏ ra ngoài đồng định tìm chỗ ngủ dưới ánh sao trời. Trời lại tối đen, không có sao. Tôi sợ mưa. Có Đức Chúa Trời nào tốt để ngăn cho khỏi mưa đâu, nên tôi lại vào tỉnh tìm một xó cửa.

Đến quảng trường, tôi đã định ngủ trên ghé đá thì có một bà già tốt bụng trở nhà ông và bảo: ‘Cứ gõ mà vào’.

Thế là tôi gõ cửa.

Đây là đâu? Có phải là một quán trọ không? Tôi có tiền. Tiền lưu công đầy. Một trăm léc chín phật lạng mười lăm xu tiền công của tôi làm trong mười chín năm ở tù. Tôi sẽ trả tiền. Hề gì! Tôi có tiền mà. Cuộc bộ những mười hai dặm, bây giờ tôi mệt quá và đói lắm rồi. Ông có cho tôi ở lại đây không?”

Giám mục gọi:

“Bà Magloire, dọn thêm phần ăn cho một người nữa.”

Người lạ bước tới gần cây đèn để trên bàn. Hình như hắn chưa hiểu ra làm sao cả nên nói tiếp:

“Này, không phải thế. Ông đã nghe rõ chưa? Tôi là một thằng tù khổ sai, một tên trọng phạm vừa mới đi đày về.”

Hắn rút trong túi một tờ giấy màu vàng, mở ra:

“Đây, giấy thông hành tôi đây, ông xem, màu vàng đấy. Cũng vì nó mà ở đâu người ta cũng xua đuổi tôi. Ông có muốn đọc không? Tôi cũng biết đọc đấy. Học ở trong tù mà. Họ có mở lớp cho ai muốn học thì học

Đây này người ta ghi vào giấy thông hành như thế này: “Jean Valjean, tù khổ sai được miễn hạ, sinh tại... cái này ông chẳng cần biết làm gì... đi đày mười chín năm. Năm năm ăn trộm có trèo tường bẻ khóa. Mười bốn năm vì tội toan vượt ngục bốn lần. Tên này rất nguy hiểm’.

Đây, ai cũng tống cổ tôi ra ngoài. Còn ông, ông có chịu chứa không? Đây có phải là quán trọ không? Ông có cho tôi ăn và ngủ lại không? Có cái chuồng ngựa nào không?”

Giám mục lại nói:

“Bà Magloire, lấy tấm khăn trắng trải trên giường khách.”

Bà Magloire vâng lời bước ra.

Cái cách hai phụ nữ trong nhà này vâng lời Giám mục như thế nào, chúng tôi đã trình bày rồi.

Giám mục quay sang phía khách:

“Kìa ông, ngồi xuống đây mà sưởi cho ấm. Một lát nữa chúng ta sẽ ăn cơm. Trong khi ăn sẽ có người dọn giường để ông nghỉ.”

Lúc này khách mới thật hiểu. Nét mặt hắn từ nãy đến giờ tối sầm và khắc khổ bỗng lộ ra vẻ kinh ngạc, vui sướng, nghi ngại và trở nên kỳ lạ.

Hắn lắp bắp như một người điên:

“Thật thế à? Ông chưa tôi à? À, ông không đuổi tôi, một tên tù khổ sai! Mà ông lại gọi tôi bằng monsieur! Chứ không gọi thằng này thằng nọ. Chẳng bù với thiên hạ, họ chỉ quát ‘Đồ chó, xéo ngay!’ Ban nãy tôi cũng tưởng rồi ông sẽ đuổi tôi nên tôi phải nói liền cho ông biết tôi là ai.

Chao ôi! May làm sao mà lại gặp cái bà quý hóa chỉ cho tôi vào đây. Tôi có cơm ăn, lại có giường nằm! Cả chăn đệm nữa! Như tất cả mọi người. Mười chín năm nay tôi có hề được nằm trên giường bao giờ đâu!

Hóa ra thật tình ông bằng lòng cho tôi ở lại. Các ông các bà phúc đức quá. Và lại tôi có tiền mà. Tôi xin trả sòng phẳng. Ông bỏ lỗi cho, tên ông là gì nhỉ, ông chủ quán? Ông tính bao nhiêu tôi cũng trả. Ông tử tế lắm mà. Ông là chủ quán có phải không?”

Giám mục đáp:

“Tôi là một người tu hành, nhà ở đây.”

“Một nhà tu hành! Ô, một nhà tu hành phúc đức! Thế thì ông không bắt tôi trả tiền à? Té ra ông là cha xứ phải không? Cha xứ ở cái nhà thờ to lớn này à? Ừ mà thật, ngốc quá, tôi lại không trông thấy cái mũ trùm đầu của ông chứ!”

Vừa nói, khách vừa xách ba lô và cây gậy để vào góc nhà, cất giấy thông hành vào túi, rồi đến ghé ngồi.

Cô Baptistine hiền từ nhìn khách.

Khách nói tiếp:

“Cụ xứ à, cụ nhân đức thật. Cụ không khinh người. Một nhà tu hành nhân đức kẻ cũng quý thật. Thế thì cụ không cần tôi trả tiền à?”

“Không, ông cứ giữ lấy. Ông có bao nhiêu nhỉ? Lúc nãy ông bảo có một trăm lẻ chín phật lạng phải không?”

“Với mười lăm xu nữa.”

“Một trăm lẻ chín phật lạng mười lăm xu. Thế ông làm lụng trong bao lâu mới kiếm được số tiền ấy?”

“Mười chín năm.”

“Mười chín năm?”

Giám mục thở dài nãy nuốt.

Khách lại nói:

“Số bạc ấy tôi vẫn còn giữ nguyên chưa đụng tới. Bốn hôm nay tôi mới tiêu hết có hai mươi lăm xu, lại là tiền công tôi đỡ hộ mấy xe hàng ở Grasse.

Cụ là nhà tu hành thì tôi cũng xin nói là ở trong tù chúng tôi cũng có một cha tuyên úy. Một dịp tôi còn được trông thấy một ông giám mục nữa. Ai nấy đều gọi là Đức Cha. Ông giám mục ấy ở nhà thờ Majore tại Marseille. Chẳng ông ta là cụ xứ ở trên tất cả các cụ xứ thì phải.

Cụ bỏ lỗi cho, tôi không biết nói thế nào cho phải, nhưng đối với tôi, ông ấy xa xôi quá! Lần đến làm lễ giữa trại giam, ông ấy đội một cái mũ gì hình nhọn màu vàng. Buổi trưa trời nắng, trông nó nhấp nha nhấp nhánh. Chúng tôi xếp thành hàng đứng ra ba bên. Một lô súng thần công, mồi châm sẵn, chĩa vào trước mặt. Chúng tôi chẳng nhìn rõ. Ông ấy có nói chuyện nhưng lại đứng tít tặn trong cùng chẳng nghe thấy gì cả. Đấy, ông giám mục là như thế đấy.”

Trong khi khách nói, Giám mục ra khép cánh cửa từ nãy giờ vẫn để mở toang.

Bà Magloire bước vào, mang theo một bộ thìa nĩa bày ra trên bàn.

Giám mục nói:

“Bà Magloire, xin hãy xếp cho ông khách ngồi gần lò sưởi, càng gần càng tốt.”

Rồi quay sang phía khách:

“Ở vùng núi Alpe này, ban đêm, gió buốt tợn. Ông hẳn là rét lắm nhỉ?”

Mỗi lần nghe Giám mục gọi đến tiếng “monsieur”, giọng ôn tồn, trang trọng và rõ là thân mật, gương mặt khách lại rạng rỡ hẳn lên.

Một tên tù mà được gọi bằng “ông” khác nào người đấm tàu sắp chết khát trên cái bè lênh đênh giữa biển được người ta cho cốc nước ngọt? Kể bị ô nhục thường khát khao được trân trọng là thế.

Giám mục lại bảo:

“Cái đèn này không được sáng lắm.”

Bà Magloire hiểu ý.

Bà sang buồng ngủ Giám mục lấy đôi đèn bằng bạc trên lò sưởi thắp lên, đem đặt trên bàn.

Khách nói:

“Thưa cụ xứ, cụ tốt quá. Cụ không khinh tôi. Cụ tiếp tôi như khách. Cụ sai đót bạch lap cho tôi được sáng dù rằng tôi đã nói thật với cụ tôi từ đâu đến và là một kẻ khôn cùng như thế nào rồi.”

Giám mục ngồi bên cạnh, se sẽ chạm vào tay khách:

“Ban nãy, ông không cần xưng danh cho tôi biết ông là ai cũng được. Đây không phải nhà của tôi mà là nhà của Đấng Cứu Thế. Cửa nhà này không hỏi khách vào có tên không, mà chỉ hỏi có nỗi đau khổ gì không. Ông là người đang đau khổ; ông lại đang đói khát thì mời ông cứ vào. Xin đừng nói đến ơn huệ, đừng nói rằng tôi tiếp ông ở nhà tôi. Chẳng ai có quyền coi nơi này là nhà riêng của mình trừ ra những người đang cần chỗ trú. Ông là khách qua đường, tôi nói rõ như vậy, nhà này là của ông hơn của tôi. Mọi cái gì trong nhà này bây giờ đều là của

ông. Như thế có cần gì tôi phải biết đến họ tên ông? Và lại, trước khi ông xưng danh, tôi đã biết tên ông sẵn rồi.”

Khách giương mắt nhìn, vẻ kinh ngạc:

“Thật sao? Cụ đã biết tên tôi từ trước?”

“Vâng, ông tên là người anh em của tôi.”

Khách kêu lên:

“Này, cụ xử! Lạ quá, lúc mới vào thì tôi đói thế, mà thấy cụ tốt quá, bây giờ tôi không biết tôi ra sao nữa, hết đói rồi cụ ạ.”

Giám mục nhìn khách, hỏi:

“Ông đã từng chịu nhiều đau khổ phải không?”

“Chao ơi! Áo tù màu đỏ, đeo tạ ở chân, một tấm ván làm giường, rồi nóng bức, rét mướt, lao công khổ dịch, roi vọt! Hơi một tý là xiềng cả hai chân. Lỡ một tiếng là ngục tối. Ôm liệt giường cũng cùm cũng xích. Nghĩ kiếp con chó còn sướng hơn. Mười chín năm trời! Bốn mươi sáu tuổi rồi. Đến giờ lại phải đeo cái giày thông hành màu vàng! Cái kiếp của tôi nó thế đấy.”

Giám mục nói:

“Vâng. Ông vừa ở một chốn sâu khổ bước ra. Trên thiên đàng sẽ dành nhiều hạnh phúc cho gương mặt đẫm lệ của một người hối lỗi hơn là cho chiếc áo trắng tinh của hàng trăm người chính trực. Nếu ông từ nơi đau khổ ấy bước ra với những tư tưởng thù hận và căm giận cuộc đời thì ông là một người đáng thương; nhưng nếu ông từ đó bước ra với những tư tưởng độ lượng và hiền hòa thì chúng tôi không ai bằng ông được.”

Lúc ấy bà Magloire bung thức ăn lên. Một món súp nấu với dầu, bánh mì và muối, mấy lát mỡ, một miếng thịt cừu, mấy trái vả, một miếng pho mát tươi và một ổ bánh mì lớn. Bà còn tự ý thêm vào bữa ăn thường nhật ấy một chai rượu vang cũ xử Mauves.

Khuôn mặt Giám mục bỗng bừng tươi vui hẳn lên, cái tươi vui riêng của những người hiếu khách. Ông nói to:

“Nào, ta ăn đi!”

Theo thường lệ những khi nhà có khách ăn cơm, ông mời khách ngồi phía bên phải mình. Cô Baptistine điềm tĩnh và tự nhiên, ngồi sang phía trái.

Giám mục đọc kinh, rồi vẫn như mọi ngày, thân hành múc súp ra.

Khách bắt đầu ăn ngấu nghiến.

Bỗng Giám mục bảo:

“Chùng như trên bàn này còn thiếu một thứ gì?”

Thì ra bà Magloire chỉ bày có ba bộ thìa nĩa bạc vừa đủ cho ba người. Song lẽ nhà xưa nay hẳn có mời khách thì phải bày ra cả sáu bộ, kể cũng là một cách phô trương vô tội. Trong cái

gia đình êm ả và nghiêm nghị mà mỗi người coi sự thanh bạch như là danh giá này, chút phù hoa ấy vẫn có gì thật ngây thơ, đáng mến.

Bà Magloire hiểu ngay câu trách ấy, lẳng lặng quay ra và mấy phút sau thì ba bộ thìa nĩa còn lại mà Giám mục hỏi, đã được bày sáng trưng trên bàn, đối diện với ba người đang ngồi ăn.

[]

Sự Tĩnh Mịch.

Sau khi chúc cô em gái ngủ ngon xong, Giám mục Bienvenu cầm một cây đèn bạc trên bàn lên, đưa cây kia cho khách và nói:

“Nào, tôi xin đưa ông về phòng.”

Khách bước theo sau.

Như nói ở đoạn trên, ta đã biết theo cách bố trí trong nhà ấy, hễ muốn đi vào phòng ngủ thì có ngăn kê giường khách, hay muốn từ đó đi ra ngoài là phải thông qua phòng ngủ Giám mục.

Giữa lúc hai người đi qua chỗ phòng ngủ ấy, bà Magloire đang xếp cất bộ đồ bạc vào cái ngăn nơi đầu giường. Bữa nào, trước khi đi ngủ, bà cũng đều không quên làm công việc thu dọn cuối cùng ấy.

Giám mục đưa khách vào tận chỗ ngủ. Ở đây giường đã trải khăn trắng tinh. Khách đặt cây đèn xuống chiếc bàn con. Giám mục bảo:

“Thôi, chúc ông ngon giấc. Sáng mai, trước khi lên đường, mời ông dùng một cốc sữa thật nóng, bò nhà nuôi.”

“Cảm ơn cha.”

Vừa nói xong câu hòa bình ấy, đột nhiên sắc diện khách thay đổi một cách lạ lùng đến không ngờ được. Giá bấy giờ mà có hai người phụ nữ hiền lành ở đây thì hẳn phải chết khiếp. Cho đến ngày nay chúng tôi cũng khó mà hiểu cái gì đã khiến khách như thế. Hẳn muốn báo trước hay muốn đe dọa? Hay là hẳn chỉ nghe theo một sức mạnh của bản năng mà chính hẳn cũng không tự hiểu?

Hẳn quay phắt về phía Giám mục, khoanh tay lại, gương đôi mắt dữ tợn nhìn trừng trừng vào mặt Giám mục và cất giọng khàn khàn:

“Ồ, như thế này thật à? Để tôi ngủ trong nhà ở ngay cạnh ông thế này à?”

Hẳn ngừng lại, cười một cách ghê rợn, rồi tiếp:

“Ông đã nghĩ kỹ chưa? Ai bảo ông rằng tôi không phải là kẻ sát nhân?”

Giám mục ngược mắt lên trần nhà, đáp:

“Điều ấy đã có Chúa lo.”

Nói xong, Giám mục nghiêm trang giơ hai ngón tay bên phải lên làm phép ban phúc cho khách, miệng lầm bầm như người cầu kinh hay tự nói với mình. Nhưng khách vẫn đứng yên không cúi đầu. Xong, Giám mục trở về phòng mình, không hề quay đầu nhìn lại.

Mỗi khi nhà có khách nghỉ, một tấm màn vải rộng ngăn đôi phòng nguyện che kín bàn thờ. Qua trước tấm màn, Giám mục quỳ xuống, đọc một đoạn kinh ngắn. Một lúc sau, ông ra vườn đi đi lại lại, vừa nghĩ vợ vẫn, vừa ngắm cảnh, tâm trí để cả vào bao nhiêu vẻ đẹp lớn lao huyền diệu của trời đất bày ra trước mắt người thao thức lúc đêm khuya.

Còn khách thì mỗi một quá đến nỗi chẳng nghĩ gì tới chần đệm sạch sẽ ấm áp nữa. Hắn phồng mũi thổi đèn theo thói quen của tù khổ sai rồi cứ để nguyên quần áo lăn vào giường ngủ như chết.

Giám mục ở ngoài vườn bước về phòng mình thì đồng hồ gõ 12 tiếng. Ít phút sau, trong nhà ngủ im cả.

[]

Jean Valjean.

Vào khoảng nửa đêm, Jean Valjean thức dậy.

Jean Valjean chào đời trong một gia đình nông dân nghèo xứ Brie. Lúc nhỏ anh chẳng được học hành gì. Lớn lên làm nghề xén cây ở Faverolles. Mẹ anh là bà Jeanne Mathieu, cha là ông Jean Valjean, hay còn gọi là Vlajean, điều này có lẽ do chung quanh hay gọi đùa “Voilà Jean” (“Giăng đấy”) mà thành ra tên.

Jean Valjean tính hay tư lự mà không buồn; chỉ những người giàu tình cảm mới như thế. Nói đúng hơn, nhìn bề ngoài thì thấy anh cũng lừ đừ và chẳng có gì xuất sắc.

Cha mẹ anh mất từ hồi anh còn nhỏ. Mẹ chết vì một cơn sốt xuống sữa mà không biết cách thuốc thang. Cha, trước cũng làm nghề xén cây, sẩy chân nên thiệt mạng.

Jean Valjean chỉ còn một người chị góa chồng, trên tay bảy đứa con dại vừa trai vừa gái. Bà chị đã nuôi Jean và khi ông chồng bà còn sống, Jean vẫn ăn ở trong nhà chị. Ông anh rể chết. Lũ con đứa lớn nhất lên tám, đứa út mới đầy năm. Năm ấy Jean vừa đúng hai mươi lăm tuổi.

Thế là Jean thay anh rể đã chết làm giúp chị nuôi các cháu. Rất giản dị; Jean coi đó là một bổn phận phải làm, nhưng hay càu nhàu vì bản tính vẫn thế.

Cả thời trai trẻ, anh làm quần quật suốt ngày mới tìm nổi cái ăn nên chẳng nghe nói anh có nhân tình vì thời giờ đâu mà nghĩ đến chuyện yêu đương. Tối đến đi làm về mệt nhoài, anh lẳng lặng ngồi ăn súp. Bà chị thỉnh thoảng lại chọn trong đĩa anh những miếng thịt, lát mỡ, cái nồn

cải, gấp đứt cho con. Còn anh, anh để tóc xõa ra quanh đĩa, che kín cả mắt, cứ cầm đầu ngò ần, làm như không thấy gì.

Ở Faverolles gần nhà Valjean, phía bên kia đường có nhà chị tá điền tên Marie-Claude. Lũ trẻ nhà Valjean ngày nào cũng ần đôi. Đôi khi chúng chạy sang nhà chị ta, nói dối là mẹ sai đến vay ít sữa rồi đem nhau đến hàng rào hoặc nơi đầu ngò, tranh giằng nhau húp vôi húp vàng làm sữa đổ cả ra áo quần. Bà mẹ chúng mà biết ra thói vụng trộm ấy thì mỗi đứa cũng được một trận đòn. Jean có nóng nảy, cau có, nhưng lại giấu chị, đến trả chỗ tiền sữa cho chị Marie-Claude và như thế là các cháu khỏi đòn.

Về mùa xén cây, anh kiếm được mỗi ngày hai mươi bốn xu. Hết mùa, anh quay ra đi gặt thuê, làm mướn, chăn bò, khuân vác, gặp việc gì làm được thì làm. Phần bà chị cũng cố gắng làm lung, nhưng một nách bảy đứa con dại thì làm được mấy nổi? Cảnh nhà thật thiếu nǎo, quanh năm túng thiếu và mỗi ngày một nghèo ngặt thêm.

Một năm, trời làm rét quá, Jean không có việc. Trong nhà không có lấy một mẩu bánh. Đúng y như thế. Không một mẩu bánh mà đến bảy đứa trẻ thơ.

Một buổi tối chủ nhật, trong nhà lão Maubert Isabeau chủ hàng bánh mì ở trước nhà thờ Faverolles đã dọn dẹp sắp đi ngủ. Chợt nghe tiếng đập mạnh ở mặt ngoài cửa hàng có chằng lưới thép và lấp kính. Lão bước ra, kịp thấy một cánh tay thò qua chỗ kính vỡ và dây thép đứt, đang vơ lấy một chiếc bánh. Lão vội chạy đến: tên trộm sai chân bỏ trốn. Lão đuổi theo và tóm được. Tên trộm đã vứt bánh đi nhưng cánh tay còn máu me đầm đĩa.

Chính là Jean Valjean.

Việc ấy xảy ra vào năm 1795, Jean bị truy tố về tội “ăn trộm ban đêm có phá cửa trong một nhà có người đang lưu trú”. Anh lại có một khẩu súng săn và bắn rất giỏi, thỉnh thoảng vẫn đi săn trộm chim rừng. Điều ấy làm hại anh thêm.

Đối với kẻ đi săn trộm chim muông, người ta vẫn có thành kiến và thành kiến là đúng vì kẻ đi săn trộm cũng như người buôn lậu thì không xa kẻ cướp là mấy.

Có điều nhân tiện cũng nên nói rằng giữa hạng người này và bọn giết người cướp của đáng ghê tởm ở thành thị vẫn khác nhau một trời một vực. Kẻ săn trộm chim sống trong rừng, tay buôn hàng lậu sống trên núi hoặc dưới biển. Thành thị làm cho con người thói tha, do đó trở nên độc ác. Còn núi rừng biển cả thì có tạo ra những con người man rợ, có phát triển phần hung dữ nhưng không thủ tiêu phần nhân tính của họ.

Tòa án tuyên bố Jean Valjean có tội. Luật lệ đã rành rành ra đấy, không cách gì khác. Trong xã hội văn minh của chúng ta có những giờ phút đáng sợ. Ấy là những lúc luật pháp tuyên án đầy người ta vào một cuộc trầm luân. Còn gì thể thảm bằng cái giây phút mà xã hội lánh xa và dứt khoát vứt bỏ một con người biết suy nghĩ?

Jean Valjean bị kết án năm năm khổ sai.

Ngày 22 tháng Tư năm 1796 người ta loan báo khắp Paris tin chiến thắng Montenotte của đạo quân đánh ở Ý. Thông điệp của Hội đồng đốc chính gửi cho Viện Ngũ bách¹ ngày 2 tháng Năm năm Cộng Hòa thứ tư gọi người tổng chỉ huy đạo quân ấy là Bouna-Parte.

Cùng ngày ấy, ở nhà ngục Bicêtre người ta đã xích xong một dây tù thật lớn. Jean Valjean bị khóa vào dây xích đó. Một người lính canh ngục cũ, năm nay đã gần chín mươi tuổi, còn nhớ như in con người đáng thương ấy bị cùm vào cuối dây người thứ tư ở góc phía bắc sân nhà ngục. Anh ta ngồi bệt xuống đất như mọi người khác. Chừng như anh cũng không hiểu tình cảnh mình ra làm sao nữa, chỉ biết là kinh khủng quá. Trong ý nghĩ lơ mơ của con người ù ù cạc cạc với tất cả mọi việc như anh, có lẽ anh cũng mang máng thấy rằng việc đang xảy ra hình như có cái gì quá đáng.

Trong khi người ta đóng mạnh búa để tán chiếc đinh trên cái gông cổ phía sau gáy, anh khóc lên, nghẹn ngào không nói nên lời, chốc chốc mới thốt được một câu:

“Tôi làm nghề xén cây ở Faverolles.”

Rồi anh vừa nức nở vừa giơ tay lên, hạ tay xuống bảy lần, mỗi lần mỗi hạ thấp hơn, trông như anh đang lần lượt sờ đầu bảy đứa trẻ lớn nhỏ khác nhau. Trông cử chỉ ấy, người ta đoán biết anh đã làm điều phi pháp gì đó cũng là vì miếng cơm manh áo của bảy đứa trẻ con.

Anh bị giải đi Toulon. Hai mươi bảy ngày ròng trên một chiếc xe bò, xiềng xích luôn mang trên cổ. Đến Toulon, anh thay áo tù khổ sai. Cả quãng đời anh trước đó đều bị xóa mờ, ngay cả tên tuổi cũng bị xóa; anh không còn là Jean Valjean nữa mà chỉ là con số 24601.

Còn bà chị anh rồi ra sao? Bảy đứa trẻ ra sao? Ai là người chăm lo cho cái gia đình ấy? Cây non đã bị cưa mất gốc, nắm lá sẽ thế nào?

Chuyện đời vẫn thế!

Những con người đáng thương ấy, những sinh linh của Chúa ấy từ đây không nơi nương tựa, không kẻ dìu dắt, không chỗ trú chân, lang thang trôi giạt rồi biết đâu sẽ không mỗi người mỗi ngã, dần mình dần dần vào cái đám sương mù lạnh lẽo đã làm chìm đắm bao nhiêu kiếp người cô đơn, cái cõi tăm tối thế lương đã làm mất bóng bao nhiêu cuộc đời bất hạnh trong bước đường âm u của nhân loại!

Họ bỏ làng ra đi. Cái gác chuông ở nơi gọi là làng cũ quên họ đi. Cái bờ ruộng ở nơi gọi là cánh đồng làng quên họ đi. Sau vài ba năm trong tù, ngay cả Jean Valjean cũng quên nốt họ đi. Vết thương trong lòng anh đã thành sẹo. Thế là hết!

Trong suốt thời gian ở Toulon, chỉ mỗi một lần anh được nghe qua tin tức bà chị. Hình như là vào khoảng cuối năm thứ tư sau khi anh đã vào tù. Cũng không rõ tin tức ấy đã đưa đến

¹ Viện Ngũ Bách (500 đại biểu) lúc bấy giờ là viện lập pháp Hội đồng đốc chính (5 đốc chính) là cơ quan hành pháp tối cao.

bằng cách nào. Chỉ biết có người dạo trước quen anh ở quê nhà bảo một lần có gặp bà chị. Bà ở Paris, trong một xóm nghèo gần nhà thờ Saint-Sulpice nằm trên đường Geindre. Bà chỉ đem theo đứa con trai út. Còn sáu đứa kia hình như chính bà cũng không biết chúng ở đâu. Sáng sáng bà đến một xưởng in trên phố Sabot, căn nhà mang biển số 3, làm việc gấp giấy và đóng sách. Mùa đông trời chưa sáng, sáu giờ đã phải có mặt. Trong xưởng có một trường học. Đứa bé lên bảy, bà đem gửi học ở đấy. Có điều sáu giờ bà đã vào xưởng mà đến bảy giờ trường mới mở cửa nên thằng bé phải chờ ngoài sân ngót tiếng đồng hồ. Phải, ngót tiếng đồng hồ dưới trời mùa đông trong lúc còn tối mịt. Người ta không muốn cho nó vào xưởng, bảo là làm vướng bận công việc. Thợ thuyền sáng sớm qua đó, thấy thằng bé ngồi xồm trong sân, ngủ gà ngủ gật, có khi thiếp đi trong xô tối, gặp người trên chiếc giở mây. Gặp hôm trời mưa, bà cụ gác công thương hại, nhặt nó vào trong túp lều của bà. Trong lều có chỉ một cái phán, cái guồng quay sợi và hai cái ghế gỗ. Thằng bé ngủ lăn ra trong một xô, tay ôm con mèo cho đỡ rét. Đến bảy giờ trường mở cửa nó mới vào học.

Người ta nói với anh có bấy nhiêu. Nhưng lúc anh nghe mấy lời ấy thì dường như trong phút giây, trong chớp mắt, có cánh cửa sổ nào bỗng dựng mở toang cho anh nhìn thoáng thấy cuộc đời của những người thân yêu, rồi sau đó khép lại, tối tăm mù mịt. Từ đó anh chẳng còn nghe tin tức nào về họ. Mà cũng chẳng bao giờ anh thấy lại họ, chẳng bao giờ anh còn gặp họ. Ở những đoạn tiếp theo của câu chuyện thương tâm này ta cũng không còn tìm thấy họ nữa.

Vào khoảng cuối cái năm thứ tư ấy thì đến lượt Jean Valjean vượt ngục. Ở chốn lao tù sâu thẳm này, bọn đồng cảnh vẫn thường giúp đỡ nhau việc đó. Anh trốn ra được và lang thang hai ngày ngoài cánh đồng.

Nếu tự do nghĩa là: Sau lưng có người truy nã, lúc nào cũng phải ngoái cổ nhìn lại, hơi chút tiếng động là giật mình thon thót, thấy cái gì cũng sợ, từ mái nhà tỏa khói, người qua đường, tiếng chó sủa, tiếng ngựa phi, tiếng chuông đồng hồ điểm, đến ban ngày vì ban ngày người ta nhìn rõ, ban đêm vì ban đêm không thấy gì; từ con đường lớn, cái lối mòn, đến bụi cây, giấc ngủ, cũng đều sợ tuốt thì hai ngày ấy anh đã được tự do.

Qua tối ngày thứ hai anh bị bắt lại, sau ba mươi sáu tiếng đồng hồ chẳng ăn chẳng ngủ. Sau đó, tòa án thủy quân phạt thêm ba năm khổ sai về tội vượt ngục. Thế là thành tám năm khổ sai.

Năm thứ sáu lại đến lượt anh được vượt ngục, anh nắm ngay cơ hội nhưng trốn không trót lọt. Điểm danh thấy thiếu, người ta bắn phát súng đại bác báo hiệu và đến đêm thì lính tuần tìm được anh trốn dưới chiếc vỏ tàu đang đóng dỡ.

Lúc bị bắt anh chống cự lại với lính coi ngục. Thế là cái tội vừa vượt ngục vừa kháng cự kẻ thừa hành, theo hình luật đặc biệt, phải xử gia thêm năm năm nữa trong đó có hai năm phải đeo xiềng đôi. Cộng lại là mười ba năm.

Năm thứ mười lại đến phiên anh trốn nữa và anh cũng không bỏ lỡ cơ hội. Lần này cũng không may gì hơn. Lại ba năm nữa, thành ra mười sáu năm.

Sau cùng, hình như đến năm thứ mười ba, anh lại thử lần chót nhưng chỉ ra ngoài được bốn tiếng đồng hồ thì bị bắt lại. Ba năm nữa vì bốn tiếng đồng hồ đó.

Cả thảy mười chín năm.

Anh vào tù từ năm 1796 mà mãi đến tháng Mười năm 1815 anh mới được thả ra.

Như thế chỉ vì anh đập một miếng kính và lấy một ổ bánh mì.

Đến đây thấy cần mở một cái dấu ngoặc. Trong khi xét xử về hình luật và việc luật pháp đầy đọa con người, lần thứ hai tác giả gặp một vụ trộm bánh mì xuất phát điểm của một kiếp trầm luân. Claude Gueux đã lấy trộm một chiếc bánh. Jean Valjean cũng lấy trộm một chiếc bánh. Một thống kê Ảng lê cho biết trong năm vụ trộm thì có bốn vụ trực tiếp do cái đói mà ra.

Lúc vào tù Jean Valjean run sợ, khóc lóc; khi ra tù anh thành người thân nhiên, mặt trở như đá. Lúc vào, tim anh tuyệt vọng; nay ra, lòng anh đen tối. Cái gì đã xảy ra trong tâm hồn anh?

[]

Lại Gặp Bất Công.

Mãn hạn tù, khi nghe bên tai mấy tiếng lạ lùng: “Mày được tự do!” thì đó thật là những giây phút không ngờ, khó tả đối với Jean Valjean. Một tia sáng chói lòa, thứ ánh sáng thật sự của người sống đột nhiên chiếu vào tâm hồn anh. Khốn nỗi, chẳng bao lâu tia sáng ấy lại mờ đi.

Ban đầu Jean Valjean quá thực đã quáng mắt khi nghĩ mình được tự do. Anh tin tưởng ở một cuộc đời mới nhưng anh lại thấy ngay giá trị thứ tự do của kẻ mang tờ giấy thông hành màu vàng.

Ngay từ phút đầu đã có bao nỗi chua cay! Anh đã nhảm tính số tiền để dành suốt thời gian ở tù thế nào cũng phải đến một trăm bảy mươi mốt phật lạng. Phải nói cho đúng là tính như thế anh quên không khấu trừ những ngày chủ nhật và ngày lễ bắt buộc anh phải nghỉ, mười chín năm tức phải trừ đi ngót hai mươi bốn quan. Dù sao, số tiền ấy đã bị khấu nhiều khoản thu linh tinh chỉ còn một trăm lẻ chín phật lạng mười lăm xu, lúc anh ra tù người ta tính toán, đem trả cho anh.

Anh chẳng hiểu tại sao lại chỉ còn có thế, và định ninh là mình bị ngắt xén, hay nói toạc ra là bị đánh cắp.

Hôm sau ngày được tha, đến Grasse, anh thấy trước cửa xưởng cất nước hoa cam người ta đang dỡ những bao hàng to. Anh lại xin làm giúp. Việc đang cần, người ta đồng ý ngay. Anh bắt tay vào việc. Anh thông minh, khỏe mạnh linh lợi, lại làm việc cật lực nên người chủ ra

dáng bằng lòng. Một người lính sen đâm đi ngang qua, thấy anh nên để ý, dừng lại hỏi giấy. Xong anh lại tiếp làm việc. Trước có lần anh hỏi thử đám phu làm như thế tiền công mỗi ngày được bao nhiêu, họ cho biết là ba mươi xu. Tối, anh đến tìm người chủ xưởng để xin lãnh tiền công vì hôm sau anh phải lên đường sớm. Hắn chẳng nói năng gì, xĩa cho anh mười lăm xu. Anh đòi thêm, hắn bảo:

“Mày mà được bấy nhiêu là tốt quá rồi!”

Anh nài nữa. Hắn lờm anh và bảo:

“Liệu không lại vào nhà đá!”

Một lần nữa anh cho mình đã bị đánh cắp.

Xã hội, nhà nước, bớt tiền để dành của anh là ăn cắp mở to. Bây giờ đến lượt cá nhân ăn cắp của anh từng mẻ nhỏ. Phóng thích chưa phải là giải thoát, và ra tù chứ không phải là ra khỏi hình phạt.

Đó, ở Grasse anh đã gặp câu chuyện như thế. Còn ở Digne người ta đối xử với anh như thế nào, chúng ta đã biết.

[]

Thức Dậy.

Chuông đồ hồ nhà thờ đánh hai giờ. Jean Valjean thức dậy. Cái giường êm quá đã làm anh tỉnh giấc. Đã gần hai mươi năm anh không hề được nằm trên giường, nên, tuy không thay quần áo, cái cảm giác cũng quá lạ làm anh không ngủ yên được.

Anh đã ngủ quên đến bốn tiếng đồng hồ. Bao nhiêu mệt mỏi như đã trút sạch. Và lại, anh cũng quen không nghĩ ngợi nhiều.

Anh mở mắt, nhìn lúc lâu trong bóng tối quanh mình rồi nhắm mắt ngủ lại.

Lúc ban ngày miên man bao nhiêu cảm xúc, tâm trí nhiều điều lo nghĩ, đến tối người ta ngủ thiếp dễ dàng, chỉ khi đã thức giấc thì khó mà ngủ lại được. Jean Valjean đêm ấy là như thế. Anh không sao nhắm mắt trở lại, đăm nghĩ vợ vẫn.

Đầu óc anh như mờ mịt bời rời, ý nghĩ qua lại chằng chịt. Chuyện xa, chuyện gần đều như lênh bênh lộn xộn, giao nhau, lẫn lộn, khi mờ nhạt lúc lại rõ nét, rồi bỗng nhiên tan biến đi như bị chìm xuống dưới làn nước bùn đang xáo động.

Nhiều ý nghĩ hiện ra nhưng chỉ có một ý nghĩ thường xuyên quán quýt trong óc anh, lẩn át tất cả: Anh nghĩ về bộ đồ ăn bằng bạc và chiếc vá to tương bà Magloire bày trên bàn ăn đã làm cho anh để ý tối hôm qua.

Bộ đồ bạc ấy như ám ảnh anh. Nó ở ngay kia thôi, cách chỉ mấy bước. Lúc từ buồng bên sang đây, anh thấy bà Magloire cất nó vào ô đầu giường. Anh đã lưu ý đến chỗ đó, ngay phía bên phải của từ buồng ăn bước sang. Bộ đồ bạc, rõ là bằng bạc ròng. Mà lại là bạc cũ. Kể cả cái vá, có thể bán ít ra là vài trăm phạt lạng. Gấp đôi món tiền anh làm trong mười chín năm trời. Thật ra thì anh có thể kiếm được nhiều hơn thế nếu “nhà nước” không “ăn cắp” của anh.

Anh nghĩ tới nghĩ lui, giằng co suốt giờ. Cũng có chút ít do dự và tranh đấu bản thân. Bỗng đồng hồ đổ ba tiếng. Anh mở choàng mắt, ngồi nhồm dậy, với tay sờ cái ba lô trong xó, rồi thả hai chân xuống đất, ngồi xồm lên giường hồi nào không biết.

Anh ngồi yên như thế lúc lâu, trong trí suy nghĩ vẫn vơ. Ai thấy anh bấy giờ một mình ngồi thức trong đêm khi cả nhà yên ngủ chắc phải lấy làm ghê rợn.

Bỗng anh cúi xuống, tháo giày đặt nhẹ lên giường, rồi lại ngồi thừ ra nghĩ ngợi.

Việc xấu xa ấy lại bắt anh suy nghĩ miên man. Bao nhiêu ý tưởng đã nói ở trên lại xáo trộn tâm trí, khi ẩn khi hiện, như dẫn đò, cân nhắc. Và rồi chẳng biết vì sao, hình ảnh thằng Brevet, một bạn tù ở nhà lao, với cái quần có độc một sợi dây treo đan bằng sợi, lại đến với anh, lần quần một cách vô cơ như lệ thường lúc người ta mơ màng. Hình ảnh các ô vuông trên cái dây treo quần ấy cứ lớn vồn mãi trong óc.

Không có đồng hồ gõ một tiếng báo mười lăm phút hay nửa giờ gì đó, có lẽ anh sẽ ngồi mãi như thế cho đến sáng. Hình như tiếng chuông ấy thúc giục: Cương quyết đi!

Anh đứng dậy, ngần ngại một lát và nghe ngóng; trong nhà im phăng phắc. Anh rón rén bước lại chỗ cửa sổ mà anh thoáng thấy hé mở. Trời không tối lắm. Từng đám mây lớn bay theo gió trên không, lúc che, lúc để lộ vàng trắng rằm. Cảnh vật bên ngoài khi sáng khi tối; còn trong nhà thì như một thứ hoàng hôn. Ánh hoàng hôn ấy không đều do mây lúc ẩn lúc hiện, nhưng cũng đủ để nhận được lối đi. Nó giống như thứ ánh sáng tờ mờ ở trong một cái hầm mà trước cửa thông hơi có người qua lại.

Ra đến cửa sổ, Jean Valjean chú ý nhận xét. Cửa không chấn song, quay ra vườn và theo thói quen ở địa phương, chỉ cài cái then nhỏ. Anh mở ra, nhưng vì một luồng khí lạnh ủa vào trong phòng, anh vội đóng ngay lại. Anh nhìn ra vườn bằng cặp mắt xem xét hơn là nhìn ngó. Quanh vườn, một bức tường thấp quét vôi trắng trẻo qua rất dễ. Bên kia tường, trông rõ những ngọn cây cách khoảng đều nhau. Rõ ràng bên này là vườn, còn bên kia là đường phố hoặc một con ngõ có trồng cây.

Nhìn xong anh quả quyết bước lại giường, xách ba lô, mở ra, móc lấy một vật gì rồi đặt trên giường, nhét đôi giày vào túi, buộc ba lô lại đeo lên vai, chụp cái mũ lưỡi trai lên đầu và kéo sụp xuống tận mắt. Anh lần mò tìm cây gậy đem dựng cạnh cửa sổ rồi trở lại chỗ giường nhặt lấy cái vật kia: Một cái gì giống như thanh sắt ngắn một phía đầu chuốt nhọn như cái cọc.

Trong bóng tối không thể nào nhận biết thanh sắt ấy rên ra để làm gì. Một cái đòn bẩy? Hay là một cái dùi cui?

Ra ngoài sáng thì có thể nhận rõ đó chỉ là cái chân đèn của phu mỏ. Thời ấy, thỉnh thoảng người ta sai tù phạm đi lấy đá trên các quả đồi cao quanh vùng Toulon nên họ cũng thường có trong tay những dụng cụ phu mỏ. Cái chân đèn đúc bằng sắt đặc, đầu dưới nhọn để có thể đóng vào đá được.

Tay phải cầm thanh sắt, anh nín thở, rón rén đi ra phía cửa phòng ngủ Giám mục bên cạnh. Cửa mở hé. Giám mục lúc đi ngủ đã không khóa cửa.

Jean Valjean nghe ngóng. Yên lặng như tờ.

Anh lấy đầu ngón tay đẩy khê cánh cửa, nhẹ nhàng lén lút và ngại ngùng như con mèo muốn tìm lối vào. Cánh cửa êm ái và lặng lẽ hé rộng thêm một tí.

Chờ một lát, anh đẩy thêm cái nữa, lần này mạnh tay hơn.

Cửa mở rộng thêm, đủ cho anh lách mình qua. Nhưng gần đó lại có cái bàn con chìa ra làm vướng lối đi.

Jean Valjean thấy khó khăn. Phải cố làm cho cửa mở rộng hơn nữa.

Anh quả quyết, đẩy cánh cửa, mạnh hơn hai lần trước. Chiếc bản lề khô dầu tự nhiên kêu kẹt ngân dài trong đêm tối.

Jean Valjean giật nảy mình. Tiếng kẹt cửa vang vào tai anh nghe to và ghê rợn như tiếng kèn hiệu lệnh ngày phán xét cuối cùng.

Trong phút đầu tiên ấy mọi sự đều phóng đại một cách kỳ quái; anh tưởng chừng như chiếc bản lề vừa tỉnh dậy và đột nhiên do một sức sống đáng sợ đang sửa lên như chó để báo có trộm và đánh thức mọi người.

Anh đứng sững, run rẩy, hoảng hốt, bàn chân đang nhón bống nhú xuống đất, mạch máu hai bên thái dương giật như búa bổ, ngực thở phì phò như tiếng gió lùa trong hang núi. Anh định ninh thế nào tiếng rít ghê gớm của cái bản lề giận dữ ấy cũng sẽ làm rung chuyển căn nhà như một trận động đất; cánh cửa bị đẩy đã kêu như để báo động; Giám mục sắp trở dậy, hai bà già sắp hô hoán, xóm giềng sẽ đến tiếp cứu; chỉ mười mười lăm phút cả thành phố sẽ náo nhộn, cảnh sát sẽ được huy động. Trong giây lát anh thấy mình nguy đến nơi.

Anh đứng trơ ra như pho tượng, không dám cử động.

Mấy phút trôi đi. Cánh cửa đã mở toang rồi. Anh liếc mình nhìn vào trong phòng. Tất cả vẫn yên lặng. Anh lắng tai nghe. Không có tiếng cựa quậy. Tiếng kẹt cửa không làm ai thức giấc.

Con nguy hiểm đầu tiên đã qua, trong lòng anh còn hồi hộp lạ thường. Nhưng anh không lùi bước. Ngay những lúc nguy ngập nhất, anh có bao giờ chịu thối lui đâu. Anh chỉ tính làm thế nào cho chóng xong. Anh tiến lên một bước, vào hẳn trong phòng.

Trong phòng im lặng như tờ. Chỉ thấy rải rác chỗ này chỗ kia những hình ảnh lờ mờ không rõ. Ban ngày thì biết đó là mớ giấy tờ bày la liệt trên bàn, những pho sách lớn mở rộng, những chồng sách dày xếp trên ghế đầu, chiếc ghế bành chất đầy quần áo, cái ghế cầu nguyện; nhưng lúc này chỉ thấy toàn là những khoảng tối tối và những chỗ trắng trắng.

Jean Valjean lén từng bước, giữ gìn để khỏi đụng vào đồ đạc. Anh nghe rõ hơi thở đều đặn và bình thản của Giám mục đang ngủ ở cuối phòng.

Bỗng anh dừng lại. Không ngờ anh đã đến sát cạnh giường Giám mục nhanh như thế.

Nhiều khi Tạo hóa khéo đem những hiện tượng và cảnh trí thiên nhiên xen vào công việc người đời rất đúng lúc, như thể hiểu biết ý người một cách thâm trầm và muốn làm cho người ta phải suy nghĩ.

Đã nửa giờ qua, một đám mây to che khuất bầu trời. Vừa lúc Jean Valjean đến trước giường, đám mây như đã có dụng ý, hé ra một khoảng trống. Ánh trăng xuyên qua cửa sổ đột

nhiên chiếu thẳng vào khuôn mặt Giám mục. Ông đang ngủ yên giấc. Đêm ở miền núi trời lạnh nên cả người ông gần như quán trong chiếc áo len màu nâu dài tay. Đầu ông dựa trên gối với một dáng điệu nghỉ ngơi thoải mái. Bàn tay có chiếc nhẫn, cái bàn tay phúc đức ấy, lại bỏ thông ra ngoài. Vẻ mặt ông có nét khoan khoái, tin tưởng, đạo hạnh làm cho sáng hẳn lên. Trông vào ông, thấy như có điều gì tươi hơn một nụ cười, gần như là vẻ vui thích rạng rỡ. Vòng trán cơ hồ phản chiếu một thứ ánh sáng vô hình khó tả. Rõ ràng là trong giấc ngủ tâm linh hồn chính trực kia đang được chiêm ngưỡng một cảnh trời huyền bí. Một tia sáng của cảnh trời ấy hiện ra trên mặt Giám mục. Tia sáng, đồng thời cũng là hào quang tỏa ra từ trong người ông chính vì cảnh trời ấy là ở trong ông, là lương tâm của ông.

Lúc ánh trăng như hòa hợp với thứ ánh sáng nội tâm ấy, toàn thân Giám mục đang ngủ yên vụt hiện ra như đang trong một vầng hào quang; không chói sáng nhưng mờ mờ, vô cùng êm dịu. Vầng trăng trên cao cảnh vật im nghỉ, khu vườn không chút rung động, ngôi nhà yên tĩnh, lại vào giờ ấy, lúc ấy, sự tĩnh mịch ấy, tất cả đều như thêm vào giấc ngủ đáng tôn kính của vị hiền triết kia một cái gì trang nghiêm khó nói và làm cho mở tóc bạc phơ, đôi mắt nhắm nghiền, khuôn mặt tràn đầy hy vọng và tin yêu, cả cái đầu của bậc già nua đang ngủ giấc yên lành của trẻ thơ, như rục lên trong một vùng ánh sáng trong suốt và uy nghi.

Trong con người Giám mục quả như có cái uy nghi của thần linh mà chính ông cũng không tự biết.

Jean Valjean vẫn đứng trong bóng tối, tay cầm chiếc chân đèn sắt, sững sờ, bàng hoàng trước vẻ sáng rỡ của ông già. Chưa bao giờ anh trông thấy một con người như thế. Nét mặt tin cậy ấy làm anh khiếp hãi. Với tâm trạng bối rối và lo sợ, sắp sa ngã vào một hành động tội lỗi, anh lại chiêm ngưỡng giấc ngủ của một bậc chính nhân, tưởng như trong thế giới tinh thần chưa có cảnh tượng nào lớn lao hơn!

Giữa nơi thanh vắng và bên cạnh một kẻ như anh, giấc ngủ ấy có cái gì cao cả mà anh chưa hiểu rõ nhưng cảm nhận được một cách mãnh liệt.

Không ai biết tâm trạng anh lúc đó thế nào. Cả anh cũng vậy. Phải tưởng tượng một cái gì phũ phàng nhất đối nghịch lại với một cái gì dịu dàng nhất mới hình dung được tâm trạng Jean Valjean. Nhìn vào nét mặt anh thì không gì có thể nói chắc được. Một thứ kinh ngạc lơ lảo. Anh đứng sững mà nhìn, thế thôi.

Nhưng anh đang nghĩ gì?

Khó mà đoán nổi. Điều chắc chắn là anh xúc động và hốt hoảng. Những thứ cảm xúc ấy, bản chất là cảm xúc gì? Mắt anh không rời hình ảnh ông Giám mục già. Cử chỉ và nét mặt lộ rõ một sự rụt rè lạ lùng. Có thể nói anh đang lưỡng lự trước hai vực thăm, một nơi làm người ta sa ngã và một nơi giúp người ta thoát nạn. Hình như anh đang sẵn sàng hoặc đập vỡ sợ ông già hoặc ôm lấy mà hôn.

Một lúc sau, anh từ từ giơ tay trái lên ngang trán, gỡ mũ ra, rồi bỏ cánh tay xuống. Anh lại đứng yên, tay trái cầm mũ, tay phải cầm đuôi cui, tóc lờm chờm dựng ngược trên cái đầu dữ tợn, mắt nhắm sững ông già.

Giám mục vẫn cứ thêm thiếp trước cái nhìn đáng sợ ấy. Ánh trăng soi mờ mờ lên cây thánh giá trên bệ lò sưởi. Người ta có cảm giác như tượng Chúa đang giang tay đón lấy cả hai người để ban phúc cho người này và xá tội cho kẻ kia.

Bỗng Jean Valjean chụp mũ lên đầu, rảo bước lần theo cánh giường, không nhìn Giám mục, đến thẳng chỗ ô tường mờ mờ. Anh giơ cái chân đèn sắt lên để nạy khóa; chìa khóa cắm ngay trong ổ; anh mở ra, thấy ngay cái giỏ đựng bộ đồ bạc; anh bê ra, bước vội qua phòng, chẳng cần giữ gìn, không sợ tiếng động, lách ra khỏi cửa, trở về phòng nguyện; mở cửa sổ, vớ lấy cây gậy, trèo qua bậc cửa, bỏ bộ đồ bạc vào ba lô, vứt cái giỏ đi, chạy qua vườn, vượt qua tường như con cọp rồi cắm đầu chạy.

*

**

Sáng hôm sau, mặt trời vừa lên, Giám mục đã đi bách bộ ngoài vườn. Bà Magloire hốt hải chạy đến:

“Đức Cha, thưa Đức Cha, Đức Cha có biết cái giỏ đồ bạc ở đâu không?”

“Có.”

“Lạy Chúa! May quá! Con đang không biết nó chạy đi nơi nào.”

Giám mục vừa nhặt được cái giỏ trên luống hoa. Ông đưa cho bà Magloire:

“Giỏ đây.”

“Ồ hay! Bà Magloire kêu, cái giỏ trống không! Thế còn bộ đồ bạc?”

“À, thì ra bà tìm bộ đồ bạc à? Vậy tôi không biết.”

“Trời đất ơi! Bị mất cả rồi! Chính cái thằng tối hôm qua nó lấy!”

Thoáng một cái, bà chạy vụt vào phòng nguyện, đến chỗ giường khách, rồi đảo trở ra.

Giám mục đang cúi xuống bồn hoa nhìn mấy cành hoa bị cái giỏ quăng phải đè gãy.

Nghe tiếng bà Magloire kêu, ông ngẩng đầu lên.

“Thưa Đức Cha, nó đi rồi! Đồ bạc bị mất trộm rồi!”

Vừa kêu như thế, bà vừa nhìn ở góc vườn có vết người mới trèo qua tường làm lở cả bờ vôi.

“Đây này! Nó trèo qua lối này này. Nó nhảy ra lối phố Cochefiet! À, quân khốn khiếp! Nó lấy trộm bộ đồ bạc của nhà ta rồi còn gì!”

Giám mục yên lặng một lát, nhìn bà Magloire một cách nghiêm trang rồi ôn tồn bảo:

“Nhưng này, bộ đồ bạc ấy có phải là của nhà ta không đã?”

Bà Magloire ngẩn ra. Hai người đứng lặng một lát, Giám mục nói tiếp:

“Bà Magloire, lâu nay ta cứ giữ mãi bộ đồ bạc ấy là sai đấy. Nó là của kẻ khó. Mà người ấy là hạng người nào? Chính là một kẻ khó mà.”

“Chao ơi! Lạy Chúa! Tôi với cô Baptistine chẳng nói làm gì. Chúng tôi thế nào cũng xong. Nhưng còn Đức Cha, từ nay Đức Cha ăn bằng gì?”

Giám mục nhìn bà, dáng ngạc nhiên:

“Ồ hay! Thế không có thìa nữa bằng thiếc à?”

Bà Magloire so vai:

“Thiếc ăn có mùi tanh.”

“Thế thì dùng đồ sắt.”

Bà Maglore nhăn mặt:

“Sắt có vị han”.

“Nếu vậy dùng đồ gỗ.”

Một lúc sau Giám mục ăn sáng ở ngay cái bàn chỗ Jean Valjean ngồi hôm trước. Vừa ăn ông vừa vui vẻ trò chuyện. Cô em trầm tĩnh nghe và bà Magloire càu nhàu một mình. Ông bảo: “Chấm miếng bánh vào sữa thì cần gì phải thìa nữa, dù là bằng gỗ đi nữa.”

Bà Magloire vừa đi đi lại lại vừa lầm bầm:

“Đời thưở nào lại đi tiếp rước một thằng như thế vào nhà! Lại còn cho nó nằm ngay bên cạnh phòng mình. Phúc đức làm sao mà nó chỉ mới lấy của thôi! Trời ơi là trời! Cứ nghĩ đến đã rùng mình!”

Hai anh em ăn xong, sắp đứng dậy thì có tiếng gõ cửa.

Giám mục bảo:

“Cứ vào.”

Cửa mở.

Một tốp người kỳ quặc hùng hổ xuất hiện. Ba người túm cổ một người. Ba người là lính sen đầm, người kia là Jean Valjean.

Một tên Đội, ý chừng chỉ huy cả bọn, đứng gần cửa.

Y bước vào, tiến đến gần Giám mục, giơ tay chào:

“Bẩm Đức Cha...”

Nghe thế, Jean Valjean đang lầm lì, vẻ thất vọng, ngẩng lên nhìn, dáng kinh hoảng. Anh lầm bầm:

“Đức Cha à? Vậy ra không phải là ông cụ xứ?”

Một tên lính quát:

“Câm ngay! Đây là Đức Giám mục.”

Lúc ấy, Giám mục mặc dù cao tuổi cũng có bước nhanh tới bên cạnh Jean Valjean. Ông nhìn vào Jean Valjean, kêu khẽ:

“A! Anh đấy à? Thấy anh tôi thật quá mừng! Nhưng này, tôi còn cho anh cả đôi chân đèn nữa kia mà, cũng bằng bạc đấy, có thể bán được hai trăm phật lạng. Sao anh không mang cả đi một thể với bộ đồ ăn?”

Jean Valjean giương mắt nhìn con người đáng kính ấy. Về mặt anh bấy giờ tưởng không còn ngôn ngữ nào có thể diễn tả nỗi.

Viên Đội nói:

“Bẩm Đức Cha, hóa ra tên này nói thật? Chúng tôi gặp nó đang đi như có ý chạy trốn nên bắt giữ lại để khám thì thấy có bộ đồ bạc này...”

Giám mục cười, ngắt lời hẳn:

“Và anh ấy nói rằng đêm hôm qua anh ấy ngủ ở nhà một ông cố đạo già và ông ta đã cho anh ta chứ gì? Tôi đoán ra thế. Rồi các anh giải anh ta đến đây phải không? Làm rồi!”

“Nếu vậy chúng tôi có thể tha cho hắn đi chứ?”

“Cố nhiên!”

Bọn lính buông Jean Valjean ra.

Anh lùi lại, vẻ ngờ ngác như người đang mơ ngủ, lấp bắp không rõ tiếng:

“Tha cho tôi thật à?”

Một người lính nói:

“Phải, tha cho mày đấy, mày không nghe thấy sao?”

Giám mục lại bảo Jean Valjean:

“Này, anh cầm nốt hai cái chân đèn rồi hãy đi nhé! Đèn đây.”

Ông đến chỗ lò sưởi, lấy hai cây đèn và đem lại cho Jean Valjean.

Hai người đàn bà lặng yên đứng nhìn không nói một lời, cũng chẳng cử chỉ nào muốn ngăn trở Giám mục.

Jean Valjean run bần bật. Như cái máy, anh giơ tay cầm lấy đôi đèn, mặt mày ngờ ngác.

Giám mục bảo anh:

“Thôi chúc anh lên đường bình an. Nhân thế lần sau có trở lại đây, nhớ không cần phải đi qua phía vườn. Cứ ở lối ra phố mà đi. Ngày đêm lúc nào ra vào cũng được, cửa chỉ cài then.”

Rồi ông quay về phía bọn cảnh sát:

“Thôi, các ông có thể về được rồi.”

Bọn lính đi ra.

Jean Valjean như người sắp ngất.

Giám mục đến gần anh, khẽ bảo:

“Đừng quên, đừng bao giờ quên rằng anh đã hứa với ta là sẽ dùng chỗ tiền này để trở thành con người lương thiện nhé.”

Jean Valjean không nhớ có hứa với Giám mục điều gì không. Anh cứ đứng ngây người.

Giám mục nhấn mạnh vào câu ông nói; bằng một giọng thật trang nghiêm, Giám mục thêm:

“Jean Valjean, người anh em của ta ơi, từ nay anh không còn là kẻ ác nữa, anh đã thuộc về phía người lương thiện. Ta đã mua linh hồn anh, đem nó ra khỏi cõi hắc ám, ra khỏi tư tưởng sa ngã, dâng nó lên cho Chúa.”

[]